TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/KDTM-ST
Ngày: 03 - 4 - 2026
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 -HUẾ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình

Các thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Cương và ông Nguyễn Văn Lân.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Huế.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Huế tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phương Hồng, sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Huế, mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 39/2025/TLST-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-KDTM ngày 05/3/2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C (V1); địa chỉ trụ sở: Số A đường T, phường H, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Số B đường L, phường T, thành phố H;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Phan Quỳnh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP C (V1)- Chi nhánh H2; Theo văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024, vắng mặt.

- Người được ủy quyền lại: Ông Trần Quốc K, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP C (V1)- Chi nhánh H2; ông Dương Tuấn V, chức vụ: Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C (V1)- Chi nhánh H2 và ông Nguyễn Đình T, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP C (V1)- Chi nhánh H2 (Theo văn bản ủy quyền lại số 345/UQ-CNTTH-TH ngày 21/10/2025), ông T có mặt;

* Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3; mã số doanh nghiệp C1; địa chỉ trụ sở: Số B đường P, phường T, thành phố H; người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thất Hòa H1, sinh năm 1984, chức vụ: Giám đốc, vắng mặt;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1991; số CCCD: 046191003936; địa chỉ: Số B đường P, phường T, thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/02/2025 Ngân hàng TMCP C (V1) và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 đã ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2025-HĐCVHM/NHCT460-HOATIEN; với hạn mức cho vay không vượt quá 5.000.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 24/02/2025 đến ngày 24/02/2026; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày bên cho vay giải ngân khoản nợ đến ngày bên vay phải trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay trong hạn được ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 số tiền vay là 3.000.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 13/05 ngày 13/5/2025, với lãi suất cho vay tại thời điểm ký giấy nhận nợ là 9%/năm, thời hạn trả nợ 06 tháng từ ngày giải ngân 13/5/2025 đến ngày trả nợ 13/11/2025; ngày trả lãi đầu tiên là 25/5/2025 (trả lãi vào ngày 25 hàng tháng).

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì bà Trần Thị Ngọc T1 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 16, diện tích đất 354,8m^2; trên đất có ngôi nhà 02 tầng được xây dựng kiên cố; tọa lạc tại TDP B, phường T (cũ là thôn B, xã T), thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 571193 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 30/7/2009, cập nhật thay đổi ngày 17/3/2021 đứng tên Trần Thị Ngọc T1, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 048-HOATIEN-DATBANGLANG/2022/HĐBĐ/NHCT460 ngày 12/8/2022, được lập và công chứng tại Văn phòng C2.

Kể từ ngày 05/6/2025 cho đến nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 đã không thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, tiến hành làm việc, nhắc nhở trả nợ nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 vẫn không trả nợ vay

cho Ngân hàng. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C (V1) số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 03/4/2026 tổng cộng là 2.883.168.907 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.672.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 164.109.600, nợ lãi quá hạn là 46.459.307 đồng.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP C (V1) số tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kể từ ngày 04/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP C (V1) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo mà không thu hồi đủ nợ cho Ngân hàng TMCP C (V1), thì Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP C (V1) cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Ngọc T1 nhưng quá thời hạn theo luật định Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 và bà T1 không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã triệu tập bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và tiến hành hòa giải theo thủ tục tố tụng dân sự.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Huế phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng TMCP C (V1). Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 không thực hiện nghĩa vụ trả

nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP C (V1) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:* Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã nộp đủ.

- *Về án phí:* Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP C (V1) ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 hợp đồng tín dụng để cho vay tiền bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 chậm thanh toán tiền nợ nên Ngân hàng TMCP C (V1) khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải thanh toán số tiền còn nợ. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 có trụ sở hoạt động tại số B đường P, phường T, thành phố H. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố dụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về yêu cầu trả nợ của nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi ký kết hợp đồng cho vay hạn mức số 02/2025-HĐCVHM/NHCT460-HOATIEN ngày 24/02/2025, Ngân hàng TMCP C (V1) đã thực hiện giải ngân cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng thông qua giấy nhận nợ số 13/05 ngày 13/5/2025. Xét thấy hợp đồng tín dụng được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung lẫn hình thức nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP C

(V1) khởi kiện yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 thanh toán nợ gốc và các khoản nợ lãi được hai bên xác lập trong hợp đồng tín dụng đến thời điểm xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

Theo văn bản tính nợ gốc và nợ lãi do Ngân hàng TMCP C (V1) cung cấp thì tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 03/4/2026, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 còn nợ Ngân hàng TMCP C (V1) tổng số tiền gốc và lãi là 2.883.168.907 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.672.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 164.109.600, nợ lãi quá hạn là 46.459.307 đồng.

Tại phiên toà Ngân hàng TMCP C (V1) yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 thanh toán các khoản nợ gốc, nợ lãi nói trên và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/4/2026 cho đến khi Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 trả hết khoản nợ. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C (V1) phù hợp với quy định tại các Điều 275, 280, 357, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; văn bản tính nợ gốc và nợ lãi do Ngân hàng TMCP C (V1) cung cấp được tính theo đúng các điều, khoản liên quan đến lãi suất quy định trong các hợp đồng và giấy nhận nợ đã có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, cần buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải trả cho Ngân hàng TMCP C (V1) số tiền nợ gốc và nợ lãi theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP C (V1).

- Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn thấy rằng:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 048-HOATIEN-DATBANGLANG/2022/HĐBĐ/NHCT460 ngày 12/8/2022 có tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 16, diện tích đất 354,8m^2; tọa lạc tại TDP B, phường T (cũ là thôn B, xã T), thành phố H. Xét hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Theo cam kết giữa bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản thì bên thế chấp đồng ý dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm đối với bên nhận thế chấp phát sinh từ tất cả hợp đồng tín dụng được ký kết, nghĩa vụ đó bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác. Vì vậy, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, căn cứ vào các Hợp đồng thế chấp nói trên, Ngân hàng TMCP C (V1) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP C (V1) tự nguyện chịu toàn bộ và đã nộp đủ.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận, cụ thể:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải chịu: 72.000.000 đồng + ((2.883.168.907 đồng - 2.000.000.000 đồng) x 2%) = 89.663.378 đồng *(làm tròn số là 89.663.000 đồng)*.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP C (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.300.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng) theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001155 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Bộ luật tố dụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 275, Điều 280, Điều 292, Điều 293, Điều 294, Điều 295, Điều 298, Điều 299, Điều 301, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 324, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật sự; khoản 3 Điều 209, khoản 2 Điều 210 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C (V1).

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải trả cho Ngân hàng TMCP C (V1) tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 03/4/2026 là 2.883.168.907 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.672.600.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 164.109.600, nợ lãi quá hạn là 46.459.307 đồng.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP C (V1) số tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận quy định tại các hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 04/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP C (V1) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 16, diện tích đất 354,8m^2; trên đất có ngôi nhà 02 tầng được xây dựng kiên cố; tọa lạc tại TDP B, phường T (cũ là thôn B, xã T), thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 571193 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 30/7/2009, cập nhật thay đổi ngày 17/3/2021 đứng tên Trần Thị Ngọc T1, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 048-HOATIEN-DATBANGLANG/2022/HĐBĐ/NHCT460 ngày 12/8/2022, được lập và công chứng tại Văn phòng C2 và biên bản xem xét, thẩm định tai chỗ ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP C (V1) tự nguyện chịu toàn bộ, đã nộp đủ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T3 phải chịu là 89.663.000 đồng *(T2 mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng)*.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP C (V1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.300.000 đồng *(Bốn mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng)* theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001155 ngày 28/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án Dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người nêu trên vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.